

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
NĂM 2016

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 2000103908 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016,
- Vốn điều lệ: 132.212.340.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.212.340.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: (0780) 3831608 - Fax : (0780) 3832297
- Số fax: 07803.580827
- Website: <http://www.camimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): **CMX**

Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau - tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977, là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.
- Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX) và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản.
- Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC).
- Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.
- Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV. HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), ngày 20/11/2011 Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

- Các sự kiện khác:

- Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006.

- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 đồng lên 88.815.000.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 đồng lên 93.016.160.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 đồng lên 114.967.970.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 đồng lên 132.212.340.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 9 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 12 ngày 07 tháng 08 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 13 ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc cập nhật theo luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a, Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi tôm.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

b, Địa bàn kinh doanh:

Công ty có 03 xí nghiệp sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu tại thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau; chi nhánh tại Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng đại diện tại Quận 3, TP. Hồ Chí Minh; khu nuôi tôm tại huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang và các trạm thu mua thủy sản đóng trên địa bàn thành phố Cà Mau ...

CAMIMEX

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

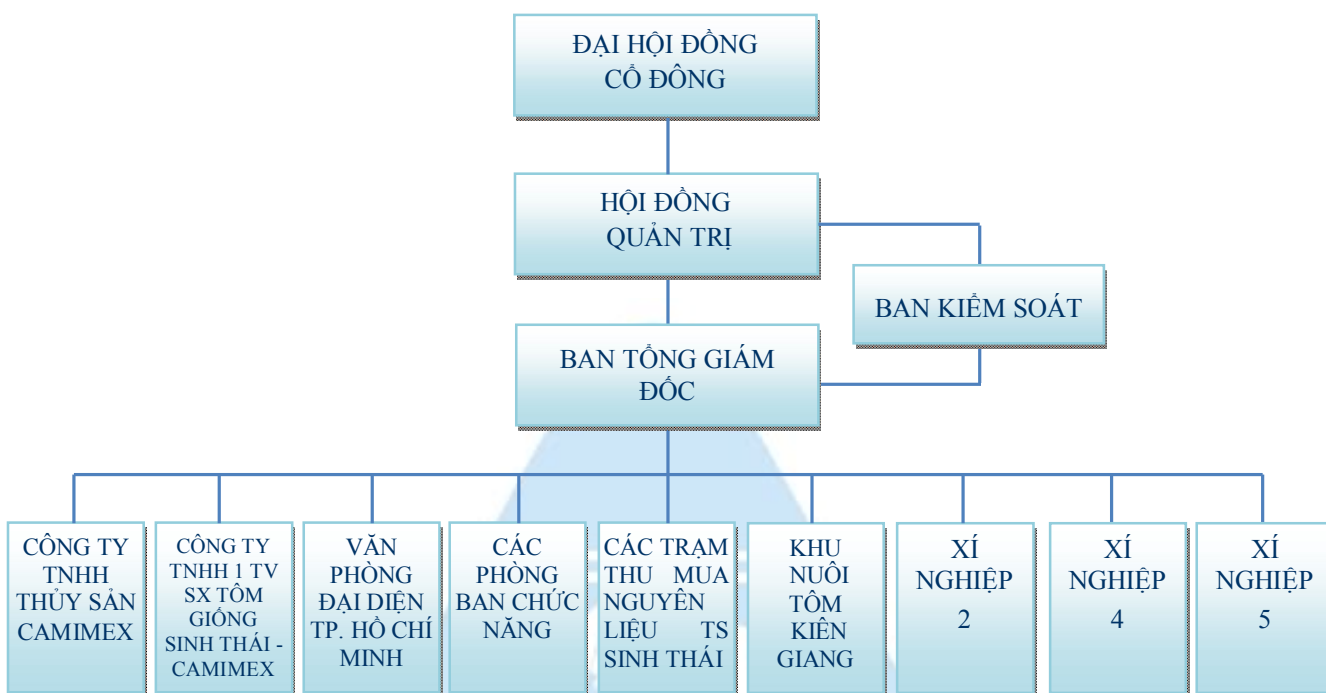
- Mô hình quản trị:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị (HDQT);
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



- Các công ty con, công ty liên kết:

Các công ty con:

❖ CÔNG TY TNHH THỦY SẢN CAMIMEX

- Tên viết tắt: CAMIMEX CORP
- Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Vốn điều lệ: 415.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 99,988%
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

❖ CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TÔM GIỐNG SINH THÁI- CAMIMEX

- Tên viết tắt: CAMIMEX - ORGANIC HATCHERY
- Địa chỉ: ấp Nhà Hội, Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu : 100%
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

4. Định hướng phát triển::

❖ Năm 2017, Bộ NN & PTNT nhận diện tình hình thủy sản tiếp tục gặp thách thức, khó khăn do: Phần lớn hạ tầng vùng nuôi chưa bảo đảm, hệ thống phục vụ nuôi tôm vẫn sử dụng chung với hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật cho nuôi tôm; công nghệ vùng nuôi quảng canh hạn chế và chưa được quan tâm đầu tư nên năng suất còn thấp; cách thức sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa tạo thành các vùng nguyên liệu lớn đáp ứng sản xuất hàng hóa; những rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại từ các thị trường nhập khẩu; vấn đề thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp; các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh; các mặt hàng thủy sản, đặc biệt là con tôm sẽ chịu sự cạnh tranh với các nước có cùng mặt hàng xuất khẩu tôm trong khu vực và Nam Mỹ...

❖ Tập trung vào các thị trường tiềm năng:

Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao tỉ trọng xuất khẩu, tập trung vào các thị trường tiềm năng sẵn có của Công ty. Do đó, việc nâng cao chất lượng sản phẩm cần được đề cao hàng đầu. Đồng thời công tác xúc tiến thương mại và các hoạt động đối ngoại cũng cần được đẩy mạnh hơn nữa.

❖ Phát triển nguồn nguyên liệu ổn định.

- Nghiên cứu và xây dựng được các mô hình nuôi tôm tiên tiến đạt năng suất cao, giá thành nuôi thấp đồng thời đảm bảo được tính an toàn sinh học bền vững để việc nuôi tôm thương phẩm ngày càng bền vững và đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục đầu tư mạnh vào khoa học công nghệ để nghiên cứu gia hóa và chọn dòng tôm sú bố mẹ cũng như tôm thẻ chân trắng bố mẹ để tạo ra được những giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng có những đặc tính di truyền tốt, phù hợp với môi trường địa phương

❖ Đầu tư phát triển công nghệ chế biến sản phẩm, giảm chi phí giá thành .

- Để phát triển bền vững, khi có được nguồn nguyên liệu ổn định, khâu chế biến thủy sản cũng cần có bước phát triển hơn nữa như đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, việc chế biến thủy sản cần tập trung vào những sản phẩm mới, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng. Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật

liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.

❖ **Quản lý đào tạo cán bộ.**

Camimex không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt. Cán bộ công nhân viên thường xuyên được đào tạo, nâng cấp về chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiên cứu không ngừng học hỏi để nâng cao nghiệp vụ. Nhờ đó, chất lượng sản phẩm sẽ ngày càng được nâng cao.

5. Các rủi ro:

❖ **Hạn hán và xâm nhập mặn ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản:**

Người nuôi tôm công nghiệp giảm do tác động biến đổi khí hậu, tình hình hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn diễn biến nghiêm trọng ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động sản xuất thủy sản. Tỷ lệ nuôi tôm không đạt do ảnh hưởng của nước mặn. Người nuôi tôm cảm chừng hoặc chủ yếu tập trung nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến.

❖ **Thị trường nhập khẩu tăng cường hệ thống kiểm soát chất lượng:**

Tại một số thị trường lớn như: Nhật Bản, EU, Australia đã gia tăng hệ thống cảnh báo và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm thủy sản NK. Nhật Bản duy trì tần suất kiểm tra 100% các chỉ tiêu Furazolidone, Enrofloxacin và Sulfadiazine đối với các lô hàng tôm NK từ Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định mới của Luật Vệ sinh thực phẩm của Nhật Bản, từ tháng 10/2016, Nhật Bản loại bỏ ra khỏi danh sách giám sát các chất Sulfamethoxazole, Sulfadiazine và Chloramphenicol trong tôm nuôi Việt Nam. Australia tăng cường kiểm tra về độc tố sinh học và vi sinh. EU cũng tăng cường cảnh báo dư lượng kim loại nặng (thủy ngân, cadmium).

Thuế chống bán phá giá cho sản phẩm tôm tại Mỹ tăng cao. Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ban hành kết luận cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá tôm lần thứ 11 (POR11) So với mức thuế cuối cùng đã bị tăng lên tới 4,78% đối với công ty

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 ngành thủy sản trải qua nhiều thăng trầm với những bất lợi từ yếu tố thời tiết, dịch bệnh, diện tích nuôi tôm bị thiệt hại nhiều hơn so với cùng kỳ các năm trước dẫn đến tình trạng giảm sút nguồn tôm nguyên liệu tại các nhà máy. Nạn bom chích tạp chất tiếp tục biểu hiện phức tạp cùng với các rào cản thương mại trên thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu.

Những khó khăn liên tiếp về mọi mặt là nguyên nhân trực tiếp Công ty không đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như lợi nhuận đề ra. Tuy nhiên về sản lượng và doanh thu xuất khẩu của Công ty trong năm 2016 đã vượt so với cùng kỳ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016	So sánh với KH	So sánh với cùng kỳ
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	34.35	36.47	46.80	128%	106%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	2,970	3,254	3,418	105%	110%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	812.26	845.05	1,058	125%	104%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28.78	(38.2)	32	-84%	-133%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24.66	(42.44)	29	-68%	-172%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	1,865				

Thị trường xuất khẩu chiếm % trong năm báo cáo

Thị trường	Năm 2016		Tỷ lệ %	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Mỹ	297,181.25	3,098,083.05	9.13%	8.49%
Châu Âu	1,366,336.30	19,256,758.11	41.99%	52.80%
Canada	40,090.29	298,718.80	1.23%	0.82%
Hàn Quốc	873,432.68	7,567,202.64	26.84%	20.75%
Nhật	169,342.26	1,977,950.11	5.20%	5.42%
Úc	429,900.00	3,500,962.00	13.21%	9.60%
Khác	77,588.00	773,513.30	2.38%	2.12%
Cộng	3,253,870.77	36,473,188.01	100%	100%

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

1. Ông Nguyễn An Ninh - Tổng giám đốc
2. Ông Bùi Đức Cường - Phó Tổng giám đốc
3. Bà Trương Thị Bích Phượng - Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Trọng Hà - Kế toán trưởng

TÓM TẮT LÝ LỊCH

❖ Ông Nguyễn An Ninh

- Năm sinh : 1958
- Quá trình công tác:
 - + Trước ngày 12/01/2006 : Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam
 - + Từ ngày 01/2006 đến 11/2012: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty
 - + Từ ngày 11/2012 đến 06/2012: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty
 - + Từ ngày 19/12/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần sở hữu: 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)

❖ Ông Bùi Đức Cường

- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1997 đến năm 2008: Công tác tại Công ty Minh Phú
 - + Từ năm 2009 đến năm 2013: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty
 - + Từ tháng 06/2013 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị công ty
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty.
- Số cổ phần sở hữu (tính đến ngày 21/02/2017): 1.920.000 cổ phần (tỷ lệ 14,52%/ Vốn điều lệ).

❖ Bà Trương Thị Bích Phượng

- Ngày tháng năm sinh : 26/10/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1991 đến năm 1993 : Công tác tại Xí nghiệp đông lạnh Tân Thành
 - + Từ năm 1994 đến năm 2002 : KCS Công ty
 - + Từ năm 2002 đến năm 2005 : Tổ trưởng Kiểm nghiệm Công ty
 - + Từ năm 2006 đến năm 2010 : Trưởng phòng QM kiểm trợ lý Tổng giám đốc Công ty.
 - + Từ năm 2010 đến tháng 03/2013: Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc kho Công ty
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất công ty
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc công ty
- Số cổ phần sở hữu : 4 cổ phần (tỷ lệ 0,00%/Vốn điều lệ).

❖ **Ông Nguyễn Trọng Hà**

- Năm sinh : 29/06/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
- Quá trình công tác :
 - + Năm 1999 - 05/2006 : Kế toán tổng hợp XNCB TS Đầm Dơi
 - + Từ 05/2006 - 12/2006 : Kế toán Viettel Cà Mau
 - + Từ 01/2007 - 12/2007 : Trưởng phòng bán hàng Viettel
 - + Từ 01/2008 - 08/2011 : Phó giám đốc KD Viettel Cà Mau
 - + Từ 09/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.

b. Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*

Không có thay đổi trong ban điều hành trong năm 2016.

c Số lượng cán bộ, nhân viên.

* Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Tổng nhân sự trong toàn công ty là : 1.100 lao động

Trong đó:

- Trình độ thạc sĩ : 01 lao động.
- Đại học : 83 lao động
- Cao đẳng : 14 lao động
- Trung cấp và bằng nghề : 93 lao động
- Còn lại là lao động trực tiếp sản xuất có tay nghề trong ngành thủy sản.

** Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:*

- Công ty thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về các chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội, lương tối thiểu vùng.... do Nhà nước quy định.

- Là doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thỏa đáng cho người lao động, xây dựng quy chế trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc...

- Tổ chức tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động, tổ chức thăm hỏi gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn vào các ngày lễ, tết....

- Trong năm qua công ty đã mua mới 04 xe đưa rước công nhân, tổ chức xe đưa rước công nhân miễn phí từ nhà đến nơi làm việc cho các công nhân ở xa không có điều kiện đi lại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty, góp phần tạo công ăn việc làm, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

- Công ty luôn quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tại đơn vị, thường xuyên kết hợp với tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên chăm lo đời sống người lao động, tổ chức nhiều phong trào hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ... nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất...

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong công ty

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Dự án đầu tư nâng cấp Xí nghiệp số 2- giai đoạn 2 - thuộc Công ty TNHH Thủy sản Camimex. **Chủ dự án:** Công ty TNHH Thủy sản Camimex

Địa chỉ công ty: 333 Cao Thắng - Phường 8 - Thành phố Cà Mau

Địa điểm thực hiện dự án: 333 – Cao Thắng – Phường 8 – Thành phố Cà Mau

Tổng vốn đầu tư dự án: 25,802 tỷ đồng

- Vốn vay ngân hàng: 18,06 tỷ đồng (70%)
- Vốn tự có và các nguồn khác : 7,74 tỷ đồng (30%)
- Dự án có NPV 54 tỷ, IRR 25%, thời gian hoàn vốn có chiết khấu là 3 năm 9 tháng, thời gian hoàn vốn không chiết khấu là 3 năm 1 tháng. Doanh số dự kiến tăng thêm khoảng 10 triệu USD mỗi năm.

Hiện trạng:

Diện tích nhà xưởng Xí nghiệp 2 khoảng 4000 m², sản xuất các mặt hàng PTO, PD, IQF tươi, hấp. Công suất hiện tại khoảng 400 tấn/tháng.

Tính cấp thiết đầu tư:

Nhu cầu tăng cao từ thị trường châu Âu, Nhật, Hàn Quốc, nhất là mặt hàng tôm sinh thái, tôm tằm bột, tôm shushi nên công suất hiện tại không đủ để đáp ứng kịp thời các đơn hàng lớn cũng như chưa có đủ trang thiết bị chuyên dụng cho mặt hàng tôm tằm bột, tôm shushi. Do đó, để phát huy hết khả năng hiện có, cần phải cải tạo, nâng cấp để đáp ứng được chiến lược phát triển của công ty cũng như yêu cầu từ khách hàng.

Các hạng mục nâng cấp sửa chữa:

STT	HẠNG MỤC (VND)	GIÁ TRỊ
1	Xây dựng cơ bản (VND)	5,042,121,000
2	Hệ thống thiết bị	16,543,011,000
3	Hệ thống giám sát	1,260,692,000
4	Thiết bị chế biến	2,956,005,550
	<i>Tổng thiết bị</i>	20,759,708,550
	Công suất tăng thêm (tấn/năm)	1,200
	Tổng giá trị đầu tư nâng cấp	25,801,829,550
	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ ĐÃ LÀM TRÒN	25,802,000,000

Mục tiêu dự án:

Sau khi hoàn thành: nhà máy đạt được các tiêu chuẩn yêu cầu đánh giá nhà xưởng, máy móc thiết bị của khách hàng Châu Âu, Mỹ, Nhật,... tăng được công suất lên khoảng 100 tấn/tháng cho các mặt hàng shushi và tằm bột và nâng tổng Công suất Xí nghiệp 2 đạt 500 tấn/tháng, doanh thu tăng thêm 10 triệu USD mỗi năm, lợi nhuận tăng thêm trên 10 tỷ đồng mỗi năm.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Chỉ tiêu	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN CAMIMEX			CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TÔM GIỐNG SINH THÁI CAMIMEX		
	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	726,281,837,277	1,034,326,286,282	142%	13,888,235,100	18,748,309,422	135%
Doanh thu thuần	1,071,565,597,280	1,383,733,388,535	129%	22,752,116,684	49,435,847,529	217%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,505,005,173	6,514,442,661	45%	1,294,858,896	701,723,180	54%
Lợi nhuận khác						
Lợi nhuận trước thuế	13,822,774,292	6,322,366,418	46%	1,291,304,646	678,386,870	53%
Lợi nhuận sau thuế	12,364,299,182	4,923,914,285	40%	1,004,908,889	527,262,360	52%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức						

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	678,664,517,430	684,435,806,593	101%
Doanh thu thuần	812,255,035,572	845,045,860,930	104%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25,430,403,842	(36,329,673,108)	-143%
Lợi nhuận khác	3,353,251,162	(1,833,209,233)	-55%
Lợi nhuận trước thuế	28,783,655,004	(38,162,882,341)	-133%
Lợi nhuận sau thuế	24,659,780,215	(42,439,111,937)	-172%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,865		

- ❖ Kết quả kinh doanh năm 2016 do toàn bộ lợi nhuận và một phần trích lập dự phòng đã được kiểm toán giảm trừ vào hàng tồn kho (khắc phục hậu quả cũ để lại) cho nên lợi nhuận trong báo cáo riêng rẽ Công ty mẹ năm 2016 cũng chỉ đạt lợi nhuận trên 12 tỷ.
- ❖ Mặt khác lợi nhuận với khoản doanh thu khác hơn 100 tỷ, tuy nhiên trong báo cáo hợp nhất các khoản doanh thu khác bị loại trừ với số tiền trên 62 tỷ(do xác định doanh thu nội bộ từ việc chuyển nhượng tài sản) đây cũng là nguyên nhân bị lỗ trong báo cáo hợp nhất năm 2016.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.7	0.7
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.1	0.2
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.90	0.97

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9.2	29.2
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2.1	2.4
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.2	1.2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.03	(0.1)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.37	(1.9)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.04	(0.1)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.03	(0.0)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 13.221.234 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 13.221.234 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 13.221.234 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

b. Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 738-CMX/VSD-ĐK ngày 14/06/2016 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

TT	Diễn giải	Số lượng CP	Tỷ lệ
	Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu	13.221.234	100%
1	Cổ đông lớn	5.259.418	39,8%
2	Cổ đông nhỏ	7.961.816	60,2%
	Cơ cấu theo Tổ chức và cá nhân	13.221.234	100%
1	Cổ đông là tổ chức	4.248.033	32,1%
2	Cổ đông là cá nhân	8.973.201	67,9%
	Cơ cấu theo Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác	13.221.234	100%

1	Cổ đông trong nước	13.197.997	99,8%
2	Cổ đông ngoài nước	23.237	0,2%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông khác	0	0%

** Lưu ý khác: Ông Bùi Đức Cường - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc công ty đã công bố mua thành công 1.920.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ tỷ lệ 14,52%/ Vốn điều lệ (theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ ngày 21/02/2017).*

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không phát sinh trong năm 2016.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác:

Không phát sinh trong năm 2016.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng tôm nguyên liệu sản xuất trong năm: 2.080.998kg
- Tổng thành phẩm đóng gói xuất bán trong năm: 3.253,870 kg

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Tỷ lệ vật tư bao bì được tái sử dụng: bao bì tạm chiếm 95%
- Nguyên liệu đầu vỏ: được tái chế sử dụng trong ngành y tế và phục vụ trong chăn nuôi gia súc.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

❖ Năng lượng trực tiếp cho sản xuất trong đó:

- Điện tiêu thụ: 8.199. 082 KW.
- Dầu trực tiếp sử dụng cho lò hơi hấp tôm có công suất 1.250 kg hơi/giờ và máy phát điện dự phòng có công suất 5.000 KVA: 61.000 lít

❖ Năng lượng gián tiếp:

- Điện tiêu thụ gián tiếp cho các bộ phận Văn phòng liên quan: 184.308 KW.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Sáng kiến cải tiến kỹ thuật: Mạnh dạn đầu tư thay đổi công nghệ đông IQF từ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, chi phí năng lượng cao 720 Kw/Tấn TP, chi phí hao hụt cao. Sang thiết bị có công nghệ tiên tiến thời gian cấp đông nhanh tỷ lệ thu hồi sản phẩm cao, chi phí điện năng giảm so với công nghệ cũ tiết kiệm được 200 Kw/Tấn TP và nhờ áp dụng chương trình “Sản xuất sạch hơn” do dự án SEAQUIP của chính phủ Đan Mạch tài trợ mà năng lượng sử dụng như: Dầu, điện được tiết kiệm hàng chục ngàn kW mỗi năm

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng :

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao nghiệp vụ, nâng cấp về chuyên môn, trong công việc luôn sáng tạo trong nghiên cứu sử dụng công nghệ, máy móc thiết bị phù hợp với sức người và sản xuất ra sản phẩm đạt chuẩn đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tiết kiệm được năng lượng hàng chục ngàn kW mỗi năm và giảm thời gian trong sản xuất

6.3. Tiêu thụ nước:

Nước tiêu thụ: 126.135 m³

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước khai thác từ giếng khoan của Công ty.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng;

Công ty có nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình

công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không vi phạm.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty là: 1.100 người
- Thu nhập bình quân đạt: 5.600.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

- Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, công ty tổ chức tự đào tạo tay nghề đối với công nhân trực tiếp sản xuất, tổ chức huấn luyện An toàn lao động, phòng chống cháy nổ định kỳ cho toàn thể công nhân lao động. Đối với các bộ phận gián tiếp, bán trực tiếp: công ty tổ chức cho cán bộ, công nhân đi tập huấn theo thư mời, và tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Bên cạnh các hoạt động đầu tư kinh doanh, tạo tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương, công ty đã tham gia tích cực vào các phong trào có liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi có trụ sở và chi nhánh, dự án công ty hoạt động:

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: Công ty hiện đang nhận phụng dưỡng 01 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thường xuyên tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ tài chính hàng tháng để nuôi dưỡng Mẹ. Giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Đóng góp hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa. Hàng năm đều tổ chức cho cán bộ, công nhân viên thấp hương tưởng niệm các vị anh hùng tại nghĩa trang liệt sỹ .

- Từ thiện - xã hội: Công ty luôn duy trì các hoạt động phong trào ủng hộ quỹ vì người nghèo, gia đình có công với cách mạng, đồng bào bị bảo lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm công đoàn, phát quà cho người dân gặp hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, tết....

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016	So sánh với KH
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	36.47	46.80	128%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	3,254	3,418	105%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	845.05	1,058	125%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(38.2)	32	-84%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(42.44)	29	-68%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng			

- Những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2016: Hạn hán và xâm ngập mặn ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản Người nuôi tôm công nghiệp giảm do tác động biến đổi khí hậu, tình hình hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm ngập mặn diễn biến nghiêm trọng ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động sản xuất thủy sản. Tỷ lệ nuôi tôm không đạt do ảnh hưởng của nước mặn. Người nuôi tôm cầm chừng hoặc chủ yếu tập trung nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến.

- Thị trường nhập khẩu tăng cường hệ thống kiểm soát chất lượng: tại một số thị trường lớn như: Nhật Bản, EU, Australia đã gia tăng hệ thống cảnh báo và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm thủy sản NK. Nhật Bản duy trì tần suất kiểm tra 100% các chỉ tiêu Furazolidone, Enrofloxacin và Sulfadiazine đối với các lô hàng tôm NK từ Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định mới của Luật Vệ sinh thực phẩm của Nhật Bản, từ tháng 10/2016, Nhật Bản loại bỏ ra khỏi danh sách giám sát các chất Sulfamethoxazole, Sulfadiazine và Chloramphenicol trong tôm nuôi Việt Nam. Australia tăng cường kiểm tra về độc tố sinh học và vi sinh. EU cũng tăng cường cảnh báo dư lượng kim loại nặng (thủy ngân, cadmium).

- Thuế chống bán phá giá cho sản phẩm tôm tại Mỹ tăng cao. Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ban hành kết luận cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá tôm lần thứ 11 (POR11) So với mức thuế cuối cùng đã bị tăng lên tới 4,78% đối với công ty

- Mặt khác toàn bộ lợi nhuận và một phần trích lập dự phòng đã được kiểm toán giám trừ vào hàng tồn kho (khắc phục hậu quả cũ để lại) cho nên lợi nhuận trong báo cáo riêng rẽ Công ty mẹ năm 2016 cũng chỉ đạt lợi nhuận trên 12 tỷ.

❖ Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Trong năm 2016 Công ty sửa chữa và nâng cấp lại toàn bộ hạ tầng của Xí nghiệp 2 và Xí nghiệp 4 Khang trang đảm bảo an toàn trong sản xuất

- Duy trì ổn định hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau: HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, Organic. Công ty đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic, và là doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic. Đây là tiêu chuẩn chất lượng cao vì khi đạt tiêu chuẩn này thì con tôm có giá trị rất cao khi xuất khẩu.

- Camimex cam kết đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu. Nguồn nguyên liệu nhận vào được kiểm soát chặt chẽ. Camimex luôn cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hơn nữa sự thỏa mãn của khách hàng vì thế Camimex hiện nay có rất nhiều khách hàng và nhiều đơn đặt hàng.

- Được cấp chứng nhận ASC và MSC cho farm và nhà máy để tăng cường bán mở rộng thị trường Châu Âu bán về sản phẩm chất lượng cao.

- Camimex bổ sung thêm chứng nhận Halal để mở rộng thị trường sang các nước Trung Đông

- Năm 2016 sửa chữa lại toàn bộ văn phòng làm việc và nhà ở công vụ cho Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex. Trước đó năm 2015 Công ty đã đầu tư bổ sung và nâng cấp thêm cho trại giống nuôi tôm Sinh Thái tại Huyện Năm Căn: nhà nuôi tuyển tôm, nhà tảo tươi, nhà Actemia, hệ thống điện và hệ thống thoát nước.

- Bộ máy quản lý luôn được sắp xếp tinh gọn và được đào tạo chuyên môn tay nghề cao để đảm bảo tốt nhiệm vụ và công việc được phân công.

- Camimex không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.

- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.

- Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản	Tại 31/12/2016	Tại 31/12/2015
A- Tài sản ngắn hạn	438,231,137,310	453.725.313.241
B- Tài sản dài hạn	246,204,669,283	224.939.204.189
Tổng tài sản	684,435,806,593	678.664.517.430
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	661,798,320,588	612.259.862.812
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	22,637,486,006	66.404.654.618
Tổng nguồn vốn	684,435,806,594	678.664.517.430

b. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	0.6	0.7
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	0.4	0.3
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	1.0	0.9
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0.03	0.1
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.7	0.7
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.2	0.2
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(0.05)	0.04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(0.05)	0.03
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(0.06)	0.04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(0.06)	0.04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu			
	%	(1.87)	0.37

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định và phát huy năng lực sáng kiến trong toàn Bộ máy nhân sự, giao việc phù hợp với đúng chuyên môn được đào tạo, không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.

- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.

- Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

❖ *Kế hoạch phát triển kinh doanh trung dài hạn:*

Tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.

Liên hệ các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh.

Tập trung phát triển, thúc đẩy mạnh việc nuôi tôm sinh thái.

❖ *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.*

- Kim ngạch xuất khẩu đạt : 70 triệu USD
- Sản lượng sản xuất TP : 5.400 tấn tôm
- Tổng doanh thu thuần : 1.612,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 64,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 57,8 tỷ đồng

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.

- Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty nhận thức công tác bảo hộ lao động có liên quan mật thiết tới sản xuất và trực tiếp phục vụ cho sản xuất, từ đó việc trang bị bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động luôn được chú trọng quan tâm.

- Công tác huấn luyện an toàn lao động được công ty thực hiện thường xuyên theo giáo trình do công ty biên soạn, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được kiểm định chứng nhận an toàn.

- Chế độ tiền lương, tiền ăn giữa ca, các phúc lợi, khen thưởng đều được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, các tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, thông qua việc thường xuyên tiếp thu ý kiến, tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó có mối quan hệ hài hòa giữa người lao động, công ty và cộng đồng địa phương.

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.

- Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Thông qua sự chung tay của toàn thể người lao động trong công ty, với các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.

- Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:

Về xuất khẩu, năm 2016 ngoài việc chịu nhiều ảnh hưởng từ thời tiết như hạn hán, xâm nhập mặn. Nạn bơm chích tạp chất vẫn diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến giá trị và thương hiệu của ngành tôm Việt nam. Mức thuế chống bán phá giá đối với con tôm tại thị trường Hoa Kỳ thuế chống phá giá POR11 còn cao hơn giai đoạn trước. Yêu cầu về giới hạn hàm lượng các chất cấm ở một số thị trường ngày càng khắt khe. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản. Đánh giá trước tình hình khó khăn và dựa trên tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ngay từ đầu năm HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, kiểm soát chất lượng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Về hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức, điều hành hoạt động, dựa trên các chỉ tiêu định hướng đã được đề ra của Hội đồng quản trị công ty. Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có nhiều biện pháp khắc phục, xử lý và các giải pháp đột phá mạnh mẽ và quyết liệt trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, thực hiện và kiện toàn bộ máy, chế độ báo cáo. Hội đồng Quản trị cùng sát cánh với Ban Giám đốc để đưa Camimex tiếp tục ổn định tổ chức, duy trì sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và chiến lược tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước dự kiến kim ngạch xuất khẩu 70 triệu USD năm 2017 “ Nếu nguồn tài chính được các tổ chức tín dụng hỗ trợ vay tăng theo kế hoạch”.

HDQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng chiến lược, định hướng phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tham gia tích cực hỗ trợ Ban Giám Đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày để Camimex duy trì sự hoạt động thông suốt, bảo đảm các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm sạch, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững đảm bảo đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Công ty xuất khẩu.

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, xây dựng cơ chế lương, thưởng nhằm thu hút nguồn nhân lực tài giỏi, không ngừng đào tạo, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên HĐQT. Có 02 thành viên HĐQT tham gia vào Ban điều hành công ty là: Ông Nguyễn An Ninh - Tổng Giám đốc và Ông Bùi Đức Cường - Phó Tổng giám đốc.

❖ **Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

- Ngày tháng năm sinh : 12/10/1971
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Số cổ phần đại diện : 2.542.833 cổ phần (tỷ lệ 19,23%/Vốn điều lệ)

❖ **Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên Hội đồng quản trị.**

- Năm sinh : 1958
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số cổ phần sở hữu : 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)

❖ **Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

- Năm sinh : 1959
- Trình độ chuyên môn: Đại học Chế biến Thủy sản
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.

❖ **Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị.**

- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần sở hữu (tính đến ngày 21/02/2017): 1.920.000 CP (tỷ lệ 14,52%/VĐL).

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị.**

- Năm sinh : 1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại
- Số cổ phần sở hữu : 12.137 cổ phần (tỷ lệ 0,09%/VĐL)

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty chưa có các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tích cực chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua quy chế, nghị quyết, biên bản, tham gia họp trực tiếp với Ban Giám đốc.

Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Ra nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc thực hiện. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe Ban TGD báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo sâu sát về nhân sự, thu mua nguyên liệu, sửa chữa nhà xưởng, trang máy móc thiết bị máy móc, đàm phán khách hàng...

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên thực hiện trao đổi thông tin trong công việc bằng email, điện thoại và các cuộc họp có mặt trực tiếp, nhằm thống nhất đưa ra các chủ trương, chính sách nhanh chóng và kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong năm qua Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để thông qua các vấn đề liên quan. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty hiện nay có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên. Trong năm qua, Ông Huỳnh Hữu Nhân từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngày 03/02/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã bầu bổ sung Ông Nguyễn Văn Thắng làm thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát tại thời điểm ngày 31/12/2016 gồm có:

❖ Ông Nguyễn Đăng Dẫn - Trưởng ban kiểm soát

- Ngày tháng năm : 31/07/1980

- Trình độ chuyên môn : Đại học luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 19/08/1971
- Trình độ chuyên môn : ĐH Tài chính tín dụng; Đại học Luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 01/10/1980
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị kinh doanh; TC Kế toán.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất để thông báo, nắm bắt và giám sát tình hình hoạt động của công ty, đồng thời xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động của các thành viên.

Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản trị, tham gia trực tiếp ý kiến về việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế công ty có liên quan đến quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Thường xuyên giám sát quá trình hoạt động của công ty nhằm phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý và điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2016.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Chi tiết BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016: Tham khảo đính kèm phía dưới.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



BÙI SĨ TUẤN

CAMIMEX CORP



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10 NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**HÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN
THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP
KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 43
8. Phụ lục	44 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (84-780) 3.831.608
Fax : (84-780) 3.832.297
E_mail : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimexseafood.com.vn
Mã số thuế : 2000103908

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	Áp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần Lâm Ngự Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2013
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Nghi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Nguyễn An Ninh-Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 02/CMX.HĐQT/UQ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 29 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 098CT/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		438.231.137.310	453.725.313.241
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.015.155.858	11.256.404.470
1. Tiền	111		10.015.155.858	11.256.404.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.443.929.779	88.114.404.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	50.245.401.104	75.406.114.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.475.875.027	12.998.982.132
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	15.011.382.563	14.318.571.335
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(15.288.728.915)	(14.682.718.959)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	-	73.455.362
IV. Hàng tồn kho	140		325.102.633.359	322.347.381.887
1. Hàng tồn kho	141	V.7	344.163.900.529	351.520.045.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(19.061.267.170)	(29.172.663.595)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.669.418.314	32.007.122.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	727.900.717	1.491.312.741
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.367.504.807	6.320.031.442
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	18.574.012.790	24.195.777.865
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.204.669.283	224.939.204.189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.246.621.200	132.371.200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.246.621.200	132.371.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		111.030.486.661	118.091.912.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	108.273.474.547	114.820.859.651
- Nguyên giá	222		282.637.229.293	272.832.233.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.363.754.746)	(158.011.373.688)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.757.012.114	3.271.053.219
- Nguyên giá	228		9.145.105.542	9.145.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.388.093.428)	(5.874.052.323)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		132.313.087.068	104.463.794.039
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	132.313.087.068	104.463.794.039
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.614.474.354	2.251.126.080
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.614.474.354	2.251.126.080
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		684.435.806.593	678.664.517.430

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		661.798.320.588	612.259.862.812
I. Nợ ngắn hạn	310		649.244.282.079	607.278.262.991
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	186.064.580.556	154.494.403.296
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.797.977.671	7.617.545.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.922.363.335	9.453.007.440
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.769.308.786	4.145.929.198
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.041.133.080	2.398.570.825
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	27.735.380.360	31.986.762.562
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	415.898.486.375	396.166.992.487
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.554.038.509	4.981.599.821
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	11.977.902.000	4.497.394.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	126.136.509	34.205.821
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.637.486.006	66.404.654.618
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.637.486.006	66.404.654.618
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(111.570.077.831)	(67.802.909.218)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(69.130.965.894)	(67.802.909.218)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(42.439.111.937)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		684.435.806.593	678.664.517.430

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	868.665.989.756	812.754.133.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	23.620.128.826	499.097.659
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		845.045.860.930	812.255.035.572
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	776.714.498.312	690.278.551.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.331.362.618	121.976.483.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.773.185.099	7.993.942.872
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.392.914.003	39.304.817.350
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.537.994.272	22.113.319.046
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	38.986.979.446	36.805.613.260
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.054.327.376	28.429.592.246
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(36.329.673.108)	25.430.403.842
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.463.359.529	9.744.470.900
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.296.568.762	6.391.219.738
14. Lợi nhuận khác	40		(1.833.209.233)	3.353.251.162
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(38.162.882.341)	28.783.655.004
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.184.298.908	4.121.033.679
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	91.930.688	2.841.110
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.439.111.937)	24.659.780.215
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(42.439.111.937)	24.659.780.215
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	(3.210)	1.865
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	(3.210)	1.865

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(38.162.882.341)	28.783.655.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	17.645.733.114	14.804.869.279
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(9.505.386.469)	(134.178.847.621)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4,VI.5	397.797.941	(214.869.009)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.900.971)	592.078.883
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.537.994.272	22.113.319.046
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.116.644.454)	(68.099.794.418)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(285.258.951.252)	(50.641.100.312)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.356.144.953	161.933.354.394
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		358.156.630.731	28.931.952.395
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.811.623.251	(2.703.429.649)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.895.432.017)	(22.879.496.042)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.758.597.837)	(1.248.524.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(1.328.056.676)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.966.716.699	45.292.962.136
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.11	(39.858.244.418)	(34.873.756.966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.454.545.455	59.863.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.860.220.063)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.980.508.843	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	-	3.155.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.283.410.183)	(34.810.737.774)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a, b	1.475.694.433.230	1.224.340.303.207
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a, b	(1.448.652.492.791)	(1.230.690.735.413)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>27.041.940.439</u>	<u>(6.350.432.206)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.274.753.045)	4.131.792.156
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.256.404.470	7.142.888.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		33.504.433	(18.275.885)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>10.015.155.858</u>	<u>11.256.404.470</u>

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


S.Đ.K.K.D: 2000103908-C.T
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
CÀ MAU
TP. CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU
Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang chính thức giải thể theo Công văn số 4718/16 ngày 15/4/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang và cũng từ ngày này công ty có thêm một chi nhánh là chi nhánh Camimex – Kiên Giang. Do đó, khoản lỗ lũy kế 1.328.056.676 VND của Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang, trong năm Công ty đã tiếp nhận và xử lý.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy sản Camimex	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống.	100%	100%	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 853 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.162 nhân viên).

19818
H NHẢ
G TY,
ĐOÀN VÀ
A &
CÂN
ING-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

815
NHÀ
TY
(NVA
& I
CÁN
19-12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.602.104.521	2.614.261.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.413.051.337	8.642.143.166
Cộng	<u>10.015.155.858</u>	<u>11.256.404.470</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
MAZZETTA	11.252.655.255	11.084.778.872
CMC Seafood Corporation	9.749.961.798	-
Công ty TNHH Thủy sản Nam Cà Mau	18.345.590	33.742.513.562
Các khách hàng khác	29.224.438.461	30.578.822.532
Cộng	<u>50.245.401.104</u>	<u>75.406.114.966</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
CMC Seafood Corporation	2.949.450.000	1.609.350.000
Công ty Cổ phần Thủy Sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Công nghệ Đức Duy	2.298.000.000	2.298.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt	5.093.103.431	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Xây dựng Trường Giang	2.048.500.000	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long	739.361.500	2.056.053.000
Các nhà cung cấp khác	12.047.460.096	5.735.579.132
Cộng	<u>26.475.875.027</u>	<u>12.998.982.132</u>

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	2.193.575.679	-
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang - Phải thu tiền chi hộ	-	-	2.193.575.679	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.011.382.563	(511.500.129)	12.124.995.656	(511.500.129)
Phải thu khác	5.816.626.896	(511.500.129)	1.660.357.997	(511.500.129)
Tạm ứng nhân viên	8.581.553.148	-	9.719.465.795	-
Dự án nuôi tôm Kiên Giang	613.202.519	-	745.171.864	-
Cộng	<u>15.011.382.563</u>	<u>(511.500.129)</u>	<u>14.318.571.335</u>	<u>(511.500.129)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	1.246.621.200	-	132.371.200	-
Cộng	1.246.621.200	-	132.371.200	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	11.252.655.255	-	Trên 3 năm	11.084.778.872	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		4.036.073.660	-		3.597.940.087	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Trên 3 năm	1.091.039.491	-	Trên 3 năm	1.075.152.818	-
<i>Phải thu khác</i>	Trên 3 năm	511.500.129	-	Trên 3 năm	511.500.129	-
<i>Trả trước người bán</i>	Trên 3 năm	2.433.534.040	-	Trên 3 năm	2.011.287.140	-
Cộng		15.288.728.915	-		14.682.718.959	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.682.718.959	13.300.817.831
Trích lập dự phòng bổ sung	606.009.956	1.381.901.128
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	15.288.728.915	14.682.718.959

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	-	73.455.362
Cộng	-	73.455.362

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.269.192.491	-	9.691.768.055	-
Công cụ, dụng cụ	2.548.586.299	-	2.588.605.953	-
Thành phẩm	331.333.265.483	(19.061.267.170)	339.226.815.218	(29.172.663.595)
Hàng hóa	12.856.256	-	12.856.256	-
Cộng	344.163.900.529	(19.061.267.170)	351.520.045.482	(29.172.663.595)

Tất cả thành phẩm tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	29.172.663.595	164.733.412.344
Trích lập dự phòng bổ sung	-	14.552.377.874
Hoàn nhập dự phòng	(10.111.396.425)	(150.113.126.623)
Số cuối năm	<u>19.061.267.170</u>	<u>29.172.663.595</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	325.172.070	1.118.383.450
Chi phí thuê nhà	10.000.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	392.728.647	372.929.291
Cộng	<u>727.900.717</u>	<u>1.491.312.741</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.030.487.430	2.241.126.080
Các chi phí trả trước dài hạn khác	583.986.924	10.000.000
Cộng	<u>1.614.474.354</u>	<u>2.251.126.080</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.875.058.685 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.736.905.542	408.200.000	9.145.105.542
Số cuối năm	<u>8.736.905.542</u>	<u>408.200.000</u>	<u>9.145.105.542</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.045.680.607	408.200.000	3.453.880.607
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.465.852.323	408.200.000	5.874.052.323
Khấu hao trong năm	514.041.105	-	514.041.105
Số cuối năm	<u>5.979.893.428</u>	<u>408.200.000</u>	<u>6.388.093.428</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.271.053.219	-	3.271.053.219
Số cuối năm	<u>2.757.012.114</u>	<u>-</u>	<u>2.757.012.114</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.742.462.846 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.332.830.081	2.531.645.000	(2.531.645.000)	1.332.830.081
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	1.284.004.913	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác ⁽ⁱ⁾	48.825.168	-	-	48.825.168
Xây dựng cơ bản dở dang	103.130.963.958	28.798.233.821	(948.940.792)	130.980.256.987
Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xí nghiệp 5	8.371.614.714	1.314.892.454	-	9.686.507.168
Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
Khu nhà ở nuôi tôm ⁽ⁱ⁾	596.852.000	-	-	596.852.000
Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Máy móc thiết bị	39.548.617.190	-	(948.940.792)	38.599.676.398
Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Chi phí xây dựng cơ bản	30.792.142.939	-	-	30.792.142.939
Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục	19.637.839.872	-	-	19.637.839.872
Công trình nâng cấp xí nghiệp 2	-	25.862.323.367	-	25.862.323.367
Công trình san lấp mặt bằng	-	207.060.000	-	207.060.000
Công trình cải tạo ao chứa nước mặn	-	208.000.000	-	208.000.000
Công trình nhà thu mua	-	437.191.000	-	437.191.000
Công trình cải tạo nhà tạo thành nhà ương	-	245.268.000	-	245.268.000
Công trình sân ngoài nhà	-	523.499.000	-	523.499.000
Tài sản cố định khác	53.975.000	-	-	53.975.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	104.463.794.039	31.329.878.821	(3.480.585.792)	132.313.087.068

⁽ⁱ⁾ Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án nuôi tôm Chi nhánh Camimex Kiên Giang, nhưng do hiện còn ảnh hưởng tình hình của Công ty TNHH MTV Camimex Kiên Giang vừa mới giải thể nên các tài sản này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển về Công ty.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 9.686.507.168 VND (số đầu năm là 8.371.614.714 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.888.586.928	9.284.296.499
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	8.888.586.928	8.418.777.496
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	-	865.519.003
Phải trả các nhà cung cấp khác	177.175.993.628	145.210.106.797
Ulka Seafoods (P) LTD	4.671.950.000	22.383.207.252

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	172.504.043.628	122.826.899.545
Cộng	186.064.580.556	154.494.403.296
12a. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhất Việt	269.568.382	269.568.382
Công ty TNHH Đại Thịnh	272.000.000	272.000.000
Tôm sinh thái	996.122.160	996.122.160
Các nhà cung cấp khác	897.404.573	967.596.773
Cộng	2.435.095.115	2.505.287.315
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Coop, Basel	7.252.877.078	7.252.877.078
Các khách hàng khác	545.100.593	364.668.189
Cộng	7.797.977.671	7.617.545.267

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty TNHH Thủy sản Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty TNHH một thành viên Sản xuất Tôm giống sinh thái - Camimex kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.593.921.334	7.410.752.368
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.702.575.481	8.928.294.082
- Các khoản điều chỉnh giảm	(984.405.895)	(392.619.914)
Thu nhập chịu thuế	13.312.090.920	15.946.426.536
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	13.312.090.920	15.946.426.536
Thu nhập từ hoạt động ưu đãi (thuế suất 10%)	(49.474.674.167)	15.946.426.536
Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%)	62.786.765.087	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.662.418.184	1.594.642.654
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	767.793.188
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.662.418.184	2.362.435.842

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty TNHH Thủy sản Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	4.769.308.786	4.145.929.198
Cộng	4.769.308.786	4.145.929.198

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>67.087.860</i>	<i>65.061.484</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả	67.087.860	65.061.484
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>974.045.220</i>	<i>2.333.509.341</i>
Chi phí lãi vay phải trả	974.045.220	2.333.509.341
Cộng	1.041.133.080	2.398.570.825

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>78.761.998</i>	<i>257.261.998</i>
Bùi Đức Cường	-	35.000.000
Nguyễn An Ninh	78.761.998	113.761.998
Bùi Sĩ Tuấn	-	42.000.000
Nguyễn Hoàng Nam	-	35.000.000
Đặng Ngọc Sơn	-	31.500.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>27.656.618.362</i>	<i>31.729.500.564</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Kinh phí công đoàn	2.868.783.181	2.582.991.380
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	7.506.230.435	7.044.261.174
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	135.244.175
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	818.250.218	8.033.230.546
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.578.529.310	3.048.948.071
Cộng	27.735.380.360	31.986.762.562

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả tổ chức khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	450.000.000
Cộng	450.000.000	450.000.000

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn ⁽¹⁾	2.153.118.303	2.142.723.019
Bảo hiểm xã hội	270.661.032	4.520.880.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế	28.567.630	1.742.020.412
Bảo hiểm thất nghiệp	9.522.544	591.307.801
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Các đối tượng khác ⁽ⁱⁱ⁾	115.341.905	1.332.246.079
Cộng	<u>12.962.036.632</u>	<u>20.714.002.549</u>

- (i) Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.
- (ii) Trong đó, khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa 20.580.000 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	40.895.721.106	41.309.086.062
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.116.480.000	34.183.713.200
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	32.116.480.000	34.183.713.200
Vay dài hạn đến hạn trả	1.176.660.000	566.664.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín-Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	1.176.660.000	566.664.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	7.602.581.106	6.558.708.862
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam - Phải trả tiền tạm mượn không tính lãi	7.602.581.106	6.558.708.862
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	375.002.765.269	354.857.906.425
Vay ngắn hạn ngân hàng	327.354.263.492	328.935.560.886
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	192.317.276.042	207.765.305.252
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	81.066.179.634	62.597.235.962
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	2.434.320.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ^(iv)	53.970.807.816	56.138.699.672
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	30.537.704.565	10.754.090.450
Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi	30.537.704.565	10.754.090.450
Vay dài hạn đến hạn trả	17.110.797.212	15.168.255.089
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau ^(v)	3.580.000.000	2.023.746.193
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ^(vi)	13.530.797.212	13.144.508.896
Cộng	<u>415.898.486.375</u>	<u>396.166.992.487</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 37.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng và các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu và thế chấp tài sản.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa và bất động sản chưa hoàn thành nên chưa tiến hành ký hợp đồng thế chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải bằng nguồn vốn ODA để đầu tư mới phân xưởng sản xuất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay phát sinh		Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	trong năm				
Vay ngắn hạn ngân hàng	363.119.274.086	1.349.606.497.387	(1.353.371.654.952)	-	116.626.971	359.470.743.492
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	17.312.799.312	112.487.935.843	(91.660.449.484)	-	-	38.140.285.671
Vay dài hạn đến hạn trả	15.734.919.089	-	(2.257.556.355)	4.756.660.000	53.434.478	18.287.457.212
Cộng	396.166.992.487	1.462.094.433.230	(1.447.289.660.791)	4.756.660.000	170.061.449	415.898.486.375

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	1.913.902.000	1.833.894.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)	1.913.902.000	1.833.894.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.064.000.000	2.663.500.000
Vay dài hạn ngân hàng	10.064.000.000	2.663.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	10.064.000.000	2.663.500.000
Cộng	11.977.902.000	4.497.394.000

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất theo từng hợp đồng vay và thời hạn vay từ 36 tháng đến 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư thực hiện nâng cấp xí nghiệp 2 với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.756.660.000	15.734.919.089
Trên 1 năm đến 5 năm	11.977.902.000	4.497.394.000
Cộng	<u>16.734.562.000</u>	<u>20.232.313.089</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.497.394.000	5.127.246.193
Số tiền vay phát sinh	13.600.000.000	2.300.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.362.832.000)	(339.442.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(4.756.660.000)	(2.590.410.193)
Số cuối năm	<u>11.977.902.000</u>	<u>4.497.394.000</u>

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>
<i>Các đơn vị khác</i>	<i>13.530.797.212</i>	<i>1.514.159.818</i>	<i>15.044.957.030</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>
Vay	13.530.797.212	1.514.159.818	15.044.957.030	13.144.508.896	1.352.087.428	14.496.596.324
<i>Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ⁽ⁱ⁾</i>	<i>13.530.797.212</i>	<i>1.514.159.818</i>	<i>15.044.957.030</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>
Cộng	<u>13.530.797.212</u>	<u>1.514.159.818</u>	<u>15.044.957.030</u>	<u>13.144.508.896</u>	<u>1.352.087.428</u>	<u>14.496.596.324</u>

(i) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	-	-	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	<u>1.015.051.916</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.015.051.916</u>

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	34.205.821	42.899.802
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	91.930.688	(7.271.230)
Số cuối năm	<u>126.136.509</u>	<u>34.205.821</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (năm trước thuế suất là 10%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Tập đoàn được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	249.484,21	265.398,36
Euro (EUR)	19,66	19,66

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	634.724.579.232	447.876.998.548
Doanh thu bán thành phẩm	225.362.727.469	357.967.582.344
Doanh thu bán phụ phẩm	1.228.331.700	1.272.171.440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.534.376.049	4.662.489.536
Doanh thu cho thuê tài sản	815.975.306	974.891.363
Cộng	868.665.989.756	812.754.133.231

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	737.551.144	480.854.059
Hàng bán bị trả lại	22.882.577.682	18.243.600
Cộng	23.620.128.826	499.097.659

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	599.839.027.144	492.133.481.141
Giá vốn của thành phẩm đã bán	186.986.867.593	333.705.819.354
Hoàng nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.111.396.425)	(135.560.748.749)
Cộng	776.714.498.312	690.278.551.746

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	3.155.556
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.526.281	19.114.264
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.760.658.818	7.756.804.043
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	214.869.009
Cộng	6.773.185.099	7.993.942.872

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.537.994.272	22.113.319.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.457.121.790	17.191.498.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	397.797.941	-
Cộng	33.392.914.003	39.304.817.350

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.256.844.498	3.095.959.345
Chi phí vật liệu, bao bì	35.788.734	2.371.826
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	53.808.979	57.927.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	889.151.396	379.958.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.735.760.118	20.214.347.273
Các chi phí khác	12.015.625.721	13.055.048.821
Cộng	38.986.979.446	36.805.613.260

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.821.707.935	11.965.870.713
Chi phí vật liệu quản lý	217.895.737	5.455.970
Chi phí đồ dùng văn phòng	811.175.026	857.897.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.367.822.635	1.301.494.680
Thuế, phí và lệ phí	536.355.041	142.637.636
Dự phòng phải thu khó đòi	606.009.956	1.381.901.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.178.151	284.948.453
Các chi phí khác	20.445.182.895	12.489.386.609
Cộng	39.054.327.376	28.429.592.246
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập do tăng tài sản bất thường	-	7.953.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	29.900.971	-
Thu từ nhận hỗ trợ và giảm giá hàng nhập khẩu do hàng kém chất lượng	-	1.218.766.853
Thu nhập từ giảm giá hàng mua	33.360.000	129.362.688
Thu tiền từ xử lý tài sản kiểm kê	125.386.418	27.031.121
Thu nhập từ xử lý các khoản nợ không phải trả	1.216.904.174	-
Thu nhập khác	57.807.966	416.310.238
Cộng	1.463.359.529	9.744.470.900
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuê luật sư cho POR9	-	128.340.000
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	595.234.439
Chi phí khấu hao tài sản nuôi tôm Kiên Giang	244.788.933	244.788.933
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	1.356.980.375	2.838.905.520
Tiền thuê và thuê đất cho phần đất đã góp vốn	206.518.000	1.361.423.929
Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang	1.338.089.718	511.020.615
Tiền án phí và phí thi hành án	50.000.000	285.647.831
Chi phí khác	100.191.736	425.858.471
Cộng	3.296.568.762	6.391.219.738
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	126.136.509	11.919.931
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	11.535.091
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(34.205.821)	(20.613.912)
Cộng	91.930.688	2.841.110
11. Lãi trên cổ phiếu		
11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(42.439.111.937)	24.659.780.215

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(42.439.111.937)	24.659.780.215
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(3.210)	1.865

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.221.234	13.221.234
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.221.234	13.221.234

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.568.890.766	487.907.919.818
Chi phí nhân công	68.595.601.917	61.561.344.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.645.733.114	14.804.869.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.016.969.466	32.698.365.001
Chi phí khác	38.270.476.928	168.086.493.431
Cộng	862.097.672.191	765.058.992.014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>	-	192.000.000
<i>Mượn tiền không tính lãi</i>	21.200.000.000	34.190.000.000
<i>Trả tiền mượn</i>	(21.200.000.000)	(34.190.000.000)
<i>Cho mượn tiền không tính lãi</i>	-	(2.500.000.000)
<i>Thu lại tiền cho mượn</i>	-	2.500.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục V.16.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	672.348.720	943.360.910
Phụ cấp, thù lao	120.000.000	120.000.000
Cộng	792.348.720	1.063.360.910

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	Thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Thủy sản Camimex

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau		
Vay ngắn hạn	68.162.392.800	95.303.138.760
Trả nợ vay ngắn hạn	(70.229.626.000)	(96.760.838.424)
Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam		
Mua hàng hóa	60.736.138.427	62.779.632.695
Mượn tiền không tính lãi	17.532.000.000	12.301.966.095
Trả tiền mượn	(16.488.127.756)	(5.743.257.233)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4a, V.12, V.16, V.17a và V.18a, b.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động kinh doanh thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	45.219.082.307	60.207.413.527
Nước ngoài	799.826.778.623	752.047.622.045
Cộng	<u>845.045.860.930</u>	<u>812.255.035.572</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.015.155.858	-	-	-	10.015.155.858
Phải thu khách hàng	37.901.706.358	-	-	12.343.694.746	50.245.401.104
Các khoản phải thu khác	6.551.747.967	-	-	511.500.129	7.063.248.096
Cộng	54.468.610.183	-	-	12.855.194.875	67.323.805.058
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.256.404.470	-	-	-	11.256.404.470
Phải thu khách hàng	63.246.183.276	-	-	12.159.931.690	75.406.114.966
Các khoản phải thu khác	3.474.804.747	-	-	511.500.129	3.986.304.876
Cộng	77.977.392.493	-	-	12.671.431.819	90.648.824.312

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	186.064.580.556	-	-	186.064.580.556
Vay và nợ	415.898.486.375	11.977.902.000	-	427.876.388.375
Các khoản phải trả khác	18.401.499.824	450.000.000	-	18.851.499.824
Cộng	620.364.566.755	12.427.902.000	-	632.792.468.755

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	154.494.403.296	-	-	154.494.403.296
Vay và nợ	396.166.992.487	4.497.394.000	-	400.664.386.487
Các khoản phải trả khác	24.622.836.658	450.000.000	-	25.072.836.658
Cộng	575.284.232.441	4.947.394.000	-	580.231.626.441

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	249.484,21	19,66	265.398,36	19,66
Phải thu khách hàng	1.475.543,44	-	1.687.574,48	-
Phải trả người bán	(4.647.836,96)	-	(1.968.952,96)	-
Vay và nợ	(5.290.084,42)	-	(7.542.469,20)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(8.212.893,73)	19,66	(7.558.449,32)	19,66

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.359.040.684 VND (năm trước giảm/tăng 3.066.614.059 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Vay và nợ	(269.175.078.772)	(5.290.084,42)	(213.344.331.407)	(7.542.469,20)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(269.175.078.772)	(5.290.084,42)	(213.344.331.407)	(7.542.469,20)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 4.845.151.418 VND (năm trước giảm/tăng 3.840.197.965 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 1.085.049.215 VND (năm trước giảm/tăng 1.530.065.302 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 50.245.401.104 VND (số đầu năm là 75.406.114.966 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.015.155.858	-	11.256.404.470	-	10.015.155.858	11.256.404.470
Phải thu khách hàng	50.245.401.104	(12.343.694.746)	75.406.114.966	(12.159.931.690)	37.901.706.358	63.246.183.276
Các khoản phải thu khác	7.063.248.096	(511.500.129)	3.986.304.876	(511.500.129)	6.551.747.967	3.474.804.747
Cộng	67.323.805.058	(12.855.194.875)	90.648.824.312	(12.671.431.819)	54.468.610.183	77.977.392.493

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	186.064.580.556	154.494.403.296	186.064.580.556
Vay và nợ	427.876.388.375	400.664.386.487	427.876.388.375	400.664.386.487
Các khoản phải trả khác	18.851.499.824	25.072.836.658	18.851.499.824	25.072.836.658
Cộng	632.792.468.755	580.231.626.441	632.792.468.755	580.231.626.441

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:


- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	82.936.597.721	171.765.593.418	15.140.547.157	2.989.495.043	272.832.233.339
Tăng trong năm	1.978.236.637	2.617.215.837	7.283.798.915	129.700.000	12.008.951.389
Mua sắm mới	1.978.236.637	1.668.275.045	4.752.153.915	129.700.000	8.528.365.597
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	948.940.792	2.531.645.000	-	3.480.585.792
Giảm trong năm	(1.283.063.289)	(920.892.146)	-	-	(2.203.955.435)
Thanh lý, nhượng bán	(1.283.063.289)	(920.892.146)	-	-	(2.203.955.435)
Số cuối năm	83.631.771.069	173.461.917.109	22.424.346.072	3.119.195.043	282.637.229.293
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	102.700.355	1.004.894.463	894.026.613	265.454.379	2.267.075.810
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	47.175.704.175	103.714.635.888	4.870.804.959	2.250.228.666	158.011.373.688
Khấu hao trong năm	5.116.811.287	9.955.138.317	1.879.887.783	179.854.622	17.131.692.009
Thanh lý, nhượng bán	(225.402.999)	(553.907.952)	-	-	(779.310.951)
Số cuối năm	52.067.112.463	113.115.866.253	6.750.692.742	2.430.083.288	174.363.754.746
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.760.893.546	68.050.957.530	10.269.742.198	739.266.377	114.820.859.651
Số cuối năm	31.564.658.606	60.346.050.856	15.673.653.330	689.111.755	108.273.474.547
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởngLữ Hồng Lam
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 2: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thuế được hoàn	Phải nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	4.435.846.295	(3.257.923.110)	-	1.177.923.185	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	910.391.353	(910.391.353)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.867.379.780	-	(2.190.114.202)	5.483.481.192	-	18.574.012.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.758.597.837	2.328.398.085	4.184.298.908	(286.395.757)	(1.365.886.937)	1.962.215.966	-
<i>Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và</i>							
<i>Xuất nhập khẩu Cà Mau</i>	-	2.328.398.085	2.662.418.184	-	106.315.143	440.335.242	-
<i>Công ty TNHH Thủy sản Camimex</i>	1.472.202.080	-	1.370.756.214	(1.472.202.080)	-	1.370.756.214	-
<i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống</i>							
<i>Sinh thái Camimex</i>	286.395.757	-	151.124.510	(286.395.757)	-	151.124.510	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.036.986.780	-	1.153.216.013	(7.128.938)	(944.191.854)	1.238.882.001	-
Thuế tài nguyên	23.950.864	-	44.280.909	-	(60.158.671)	8.073.102	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.484.788.544	-	453.945.853	(5.364.210.076)	(1.078.148.074)	496.376.247	-
Các loại thuế khác	106.315.143	-	12.000.000	(12.000.000)	(106.315.143)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.368.272	-	60.981.326	(64.456.764)	-	38.892.834	-
Cộng	9.453.007.440	24.195.777.865	11.254.960.657	(12.092.620.200)	(3.554.700.679)	4.922.363.335	18.574.012.790

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Lữ Hồng Lam
Người lập biểuNguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	(92.462.689.433)	41.744.874.403
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	24.659.780.215	24.659.780.215
Số dư cuối năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	(67.802.909.218)	66.404.654.618
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	(67.802.909.218)	66.404.654.618
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(42.439.111.937)	(42.439.111.937)
Xử lý lỗ, công nợ Camimex Kiên Giang	-	-	(1.328.056.676)	(1.328.056.676)
Số dư cuối năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	(111.570.077.831)	22.637.486.006

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017



(Handwritten signature)

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

